

CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

(Điều chỉnh theo Quyết định số: 739/QĐ-ĐHTB-ĐTĐH, ngày 20 tháng 8 năm 2018 của Hiệu trưởng Trường Đại học Tây Bắc)

Trình độ đào tạo: Đại học
Ngành đào tạo: Chăn nuôi
Mã ngành: 7620105
Loại hình đào tạo: Chính quy
Số tín chỉ: 135

1. Mục tiêu đào tạo

1.1. Mục tiêu chung

Đào tạo cán bộ có trình độ đại học với những kiến thức kỹ năng cơ bản sau:

- Có lập trường tư tưởng vững vàng; có ý thức trách nhiệm trong việc xây dựng và bảo vệ tổ quốc.
- Nắm vững kiến thức và kỹ năng chuyên môn.
- Có đạo đức nghề nghiệp.
- Có khả năng làm việc tập thể; thích nghi với công việc ở từng hoàn cảnh cụ thể như cơ quan quản lý nhà nước, doanh nghiệp, htx hoặc tự chủ công việc.

1.2. Mục tiêu cụ thể

Đào tạo kỹ sư chăn nuôi trình độ đại học có kiến thức và kỹ năng chuyên môn chính trong các lĩnh vực chọn lọc nhân giống, nuôi dưỡng, chăm sóc, bảo vệ sức khỏe vật nuôi và kinh doanh chăn nuôi nhằm tạo ra các sản phẩm chăn nuôi có năng suất, chất lượng và hiệu quả cao, đồng thời góp phần bảo vệ môi trường và phát triển nông nghiệp bền vững. Sau khi tốt nghiệp sinh viên có thể tìm được việc làm tốt ở các trang trại chăn nuôi, các công ty, doanh nghiệp chăn nuôi, công ty thức ăn gia súc hoặc thuốc thú y; ở các cơ quan nhà nước hoặc sinh viên có thể chủ động tự mở trang trại kinh doanh vật nuôi tại gia đình.

2. Chuẩn đầu ra

2.1. Về kiến thức:

2.1.1. Chuẩn đầu ra khối kiến thức chung

- Biết vận dụng được các nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác Lênin, đường lối cách mạng của Đảng Cộng sản Việt Nam, tư tưởng Hồ Chí Minh trong các hoạt động; có kiến thức cơ bản trong lĩnh vực khoa học tự nhiên, khoa học xã hội và nhân văn, kính tế phù hợp với chuyên ngành đào tạo vào giải quyết những vấn đề thực tiễn trong hoạt động nghề nghiệp và cuộc sống.

- Có kiến thức cơ bản về tin học văn phòng và ngoại ngữ (tiếng Anh)

2.1.2. Chuẩn đầu ra kiến thức chung của cơ sở ngành ngành

- Vận dụng được các kiến thức về hóa học, sinh học và tập tính của động vật vào chăm sóc, nuôi dưỡng, điều trị động vật; đồng thời phân tích được các quy trình sinh, hóa, lý liên quan đến động vật vào thực tiễn sản xuất.

2.1.3. Chuẩn đầu ra kiến thức chung của chuyên ngành

- Hiểu và áp dụng được kiến thức về các chất dinh dưỡng; đặc điểm sinh học của các loại động vật giống, thức ăn và cây thức ăn gia súc... vào chăm sóc và nuôi dưỡng vật nuôi;

- Vận dụng được các phương pháp về chọn lọc và nhân giống để chọn lọc được những con giống tốt trong sản xuất thực tế.

- Nắm được các kiến thức cơ bản về chăn nuôi gia cầm, trâu bò, lợn, dê thỏ ... đồng thời áp dụng tốt việc chẩn đoán và phòng trị các bệnh cho vật nuôi để chăn nuôi đạt hiệu quả cao.

- Nắm vững được các kiến thức về quy định của pháp luật đối với lĩnh vực chăn nuôi và sản xuất thức ăn để áp dụng trong việc sản xuất và kinh doanh.

2.2. Về kỹ năng:

2.2.1 Kỹ năng nghề nghiệp

- Vận dụng kiến thức chuyên môn một cách linh hoạt và hiệu quả trong các công việc thực tế.
- Có kỹ năng giải quyết và tư vấn về sản xuất, chế biến thức ăn và phối hợp khẩu phần, chọn lọc và nhân giống, thực hiện quy trình công nghệ chăn nuôi, phân tích thức ăn, chất lượng sản phẩm; chẩn đoán, phòng và trị bệnh vật nuôi một cách hiệu quả
- Có kỹ năng tổng hợp, phân tích, đánh giá, xử lý số liệu, viết báo cáo khoa học về lĩnh vực chuyên môn.
- Có khả năng tự học, tự nghiên cứu và phát triển chuyên môn.
- Có khả năng lập kế hoạch sản xuất, kinh doanh trong lĩnh vực chăn nuôi.

2.2.2. Kỹ năng mềm

- Có trình độ Tiếng Anh tương đương trình độ B
- Có khả năng sử dụng thành thạo tin học văn phòng và các phần mềm tin học văn phòng chuyên ngành.
- Sử dụng thành thạo các phương tiện giao tiếp đa truyền thông (nói, viết, lắng nghe...); hợp tác và giao tiếp, làm việc với cộng đồng.
- Có kỹ năng tiếp cận nông thôn, làm việc độc lập, làm việc nhóm và tổng hợp vấn đề.

2.3. Về phẩm chất đạo đức

- Có lập trường chính trị, tư tưởng vững vàng, ý thức tổ chức kỷ luật, hiểu biết về các giá trị đạo đức và nghề nghiệp, có ý thức trách nhiệm đối với đất nước.
- Tuân thủ theo pháp luật Việt Nam, có ý thức giữ gìn và bảo vệ môi trường.
- Chăm chỉ, yêu nghề, tự tin, có trách nhiệm với công việc. Có thái độ cộng tác, khách quan, công bằng trong công việc
- Có đạo đức nghề nghiệp. Có hành vi ứng xử đúng mực với mọi người. Đảm bảo sức khỏe phục vụ công tác.

2.4. Năng lực tự chủ và trách nhiệm:

- Có khả năng làm chủ bản thân và làm chủ công việc trong lĩnh vực chăn nuôi.
- Có thái độ tốt đối với nghề nghiệp và có đạo đức nghề nghiệp.
- Có trách nhiệm đối với các công việc do mình xử lý.

2.5. Vị trí việc làm sau tốt nghiệp

Người học sau khi tốt nghiệp chuyên ngành chăn nuôi, ngoài việc có thể tự kinh doanh và sản xuất con giống, thức ăn chăn nuôi thì có khả năng đảm nhận công tác tại các vị trí như quản lý, điều hành sản xuất, kinh doanh, cán bộ kỹ thuật, cán bộ nghiên cứu, cán bộ giảng dạy... trong các đơn vị như sau:

- Cơ quan nhà nước: Bộ nông nghiệp và phát triển nông thôn và các đơn vị trực thuộc như Viện Chăn nuôi; Viện thú y; Viện khoa học nông nghiệp; Trung tâm giống gia cầm Thụy Phương.....; Sở Nông nghiệp và phát triển nông thôn và các đơn vị cấp 2, cấp 3 của sở như Chi cục chăn nuôi thú y, Chi cục Quản lý chất lượng nông lâm sản....
- Các doanh nghiệp nhà nước, nước ngoài, liên doanh, tư nhân hoạt động trong lĩnh vực chăn nuôi thú y
- Các cơ sở giáo dục đào tạo liên quan đến lĩnh vực chăn nuôi.
- Các tổ chức xã hội, các tổ chức phi chính phủ có liên quan đến lĩnh vực chăn nuôi thú y.

3. Khối lượng kiến thức toàn khóa: 135 tín chỉ (*không tính phần nội dung Giáo dục thể chất và Giáo dục quốc phòng*).

Khối kiến thức giáo dục đại cương: 40 tín chỉ

Khối kiến thức giáo dục chuyên nghiệp: 95 tín chỉ

Trong đó:

Kiến thức cơ sở ngành: 30 tín chỉ

Kiến thức chuyên ngành: 55 tín chỉ

Chuyên đề thực tập tốt nghiệp: 10 tín chỉ

4. Đối tượng tuyển sinh: Theo quy chế hiện hành của Bộ GD&ĐT về tuyển sinh đại học, cao đẳng hệ chính quy

5. Quy trình đào tạo, điều kiện tốt nghiệp

- Quy trình đào tạo: Đào tạo theo hệ thống tín chỉ.

- Điều kiện tốt nghiệp: Theo quy định của Quy chế đào tạo đại học và cao đẳng hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ hiện hành.

6. Thang điểm: Thang điểm 10, thang điểm 4 và thang điểm chữ

7. Nội dung chương trình:

T T	Mã học phần	Tên học phần	Số T C	Loại tiết tín chỉ				Học phần tiên quyết
				Lên lớp		TS tiết (x hệ số)	Tự học	
				LT	TH			
7.1. Khối kiến thức giáo dục đại cương			40	(không kể GDTC và GDQP)				
Bắt buộc			38					
1	LNL0001	Những nguyên lý cơ bản của Chủ nghĩa Mác-Lê nin	5	65	10	85	150	
2	LTU0001	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	25	5	35	60	LNL0001
3	LDL0001	Đường lối cách mạng của Đảng Cộng sản Việt Nam	3	40	5	50	90	LTU0001
4	LPL0001	Pháp luật đại cương	2	25	5	35	60	
5	NTA0001	Tiếng Anh 1	5	75		75	150	
6	NTA0002	Tiếng Anh 2	5	75		75	150	NTA0001
7	TTH0002	Tin học cơ sở	3	30	15	60	90	
8	TGT0064	Toán cao cấp	2	30		30	60	
9	HVP0023	Hóa đại cương	2	30		30	60	
10	NSU0123	Sinh học đại cương	3	35	10	55	90	
11	TGT0065	Toán xác suất thống kê	2	20	10	40	60	TGT0064
12	HVP0024	Hóa phân tích	2	25	5	35	60	HVP0023
13	VDC0076	Vật lý	2	30	0	30	60	
14	GDQ0001	Giáo dục quốc phòng				165		
15	GDT0001	Giáo dục thể chất 1	1	5	10	25	90	
16	GDT0002	Giáo dục thể chất 2	2		30	60	90	GDT0001
Tự chọn 1			2	SV chọn học 1 trong 4 học phần sau				
17	TTH0003	Tin học nâng cao	2	20	10	40	60	TTH0002
	SVH0001	Văn hoá Tây Bắc	2	27	3	33	60	
	VTV0006	Soạn thảo văn bản	2	15	15	45	60	
	LTD0029	Xã hội học nông thôn	2	30		30	60	
7.2. Khối kiến thức giáo dục chuyên nghiệp			95					

7.2.1. Kiến thức cơ sở ngành								
Bắt buộc				25				
18	NSU0058	Động vật học	2	26	4	34	60	NSU0123
19	NSU0049	Di truyền học động vật	2	30	0	30	60	NSU0067
20	NSU0067	Hóa sinh động vật	2	25	5	35	60	NSU0123
21	NSU0216	Vi sinh vật học đại cương	2	25	5	35	60	NSU0123
22	NCT0124	Sinh lý động vật	4	52	8	68	120	NCT0160
23	NCT0060	Giải phẫu động vật	3	30	15	60	90	NSU0058
24	NCT0160	Tổ chức phôi thai học	3	40	5	50	90	NSU0123
25	NCT0133	Thiết kế thí nghiệm trong chăn nuôi	2	25	5	35	60	TGT0065
26	NSU0213	Sinh thái môi trường	2	24	6	36	60	NSU0123
27	NCT0054	Dinh dưỡng động vật	3	39	6	51	90	NCT0124
Tự chọn 2			Chọn học 5 tín chỉ trong các học phần sau					
28 29	NTA0003	Tiếng Anh 3	5	75		75	150	
	NSU0215	Vệ sinh an toàn thực phẩm	3	40	5	50	90	
	NCT0021	Chăn nuôi chó mèo và bệnh chó mèo	3	45		45	90	NCT0124 NCT0060
	NNH0095	Marketing Nông nghiệp	3	45		45	90	
	NQM0044	Đa dạng sinh học	2	30	0	30	60	
	NSU0132	Tập tính học động vật	2	30	0	30	60	NSU0058
	NSU0214	Công nghệ sinh học nông nghiệp	2	24	6	36	60	NSU0049 NCT0124
7.2.2. Kiến thức chuyên ngành								
7.2.2.1. Kiến thức chung của ngành								
Bắt buộc				47				
30	NCT0028	Chọn lọc và nhân giống vật nuôi	3	30	15	60	90	NSU0049
31	NCT0168	Vi sinh vật ứng dụng trong chăn nuôi	2	27	3	33	60	NSU0216
32	NCT0138	Thức ăn và đồng cỏ	3	39	6	51	90	NCT0054
33	NCT0026	Chăn nuôi lợn	4	54	6	68	120	NCT0028
34	NCT0027	Chăn nuôi trâu bò	4	45	15	75	120	
35	NCT0025	Chăn nuôi gia cầm	4	55	5	65	120	NCT0028
36	NCT0057	Động vật hoang dã	2	25	5	35	60	
37	NCT0171	Thú y cơ bản	3	38	7	52	90	NCT0060
38	NCT0169	Chăn nuôi dê và thỏ	3	30	15	60	90	NCT0028
39	NBV0103	Nuôi ong mật	2	20	10	40	60	
40	NCT0127	Sinh sản gia súc	3	38	7	52	90	NCT0124

41	NCT0009	Bệnh truyền nhiễm	3	41	4	49	90	NCT0060
42	NCT0170	Ký sinh trùng và bệnh ký sinh trùng	3	30	15	60	90	
43	NCT0082	Kiểm nghiệm thú sản	2	24	6	36	60	NCT0168 NCT0170 NCT0009
44	NNH0080	Khuyến nông	2	15	15	45	60	
45	NCT0150	Thực tập nghề nghiệp chăn nuôi 1	2		30	90		NCT0026 NCT0027 NCT0025
46	NCT0151	Thực tập nghề nghiệp chăn nuôi 2	2		30	90		NCT0026 NCT0027 NCT0025
Tự chọn 3			8	Chọn 8 tín chỉ trong các học phần sau				
47 48 49 50	NCT0137	Thức ăn bổ sung và phụ gia	2	25	5	35	60	NCT0054
	NCT0102	Nuôi động vật thí nghiệm	2	25	5	35	60	NSU0058
	NCT0159	Tin học ứng dụng trong chăn nuôi	2	20	10	40	60	NCT0054
	NCT0023	Chăn nuôi đà điểu và chim	2	25	5	35	60	NCT0025
	NCT0039	Công nghệ sản xuất thức ăn công nghiệp	2	30	0	30	60	
	NCT0007	Bệnh dinh dưỡng	2	30	0	30	60	NCT0054
	NCT0104	Nuôi trồng thủy sản	2	28	2	30	60	
	NCT0045	Đánh giá chất lượng thức ăn	2	30	0	30	60	NCT0054
	NLS0101	Nông lâm kết hợp	2	30	0	30	60	
NCT0094	Luật chăn nuôi thú y	2	20	10	40	60		
7.2.3. Thực tập tốt nghiệp			10					
	NCN0001	Chuyên đề thực tập tốt nghiệp	10			450		NCT0151

8. Dự kiến kế hoạch đào tạo:

8.1. Dự kiến kế hoạch đào tạo (4 năm):

Học kỳ	Tên học phần	Số đvtc	Số tiết chuẩn
I	Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác - Lê nin	5	75
	Tiếng Anh 1	5	75
	Pháp luật đại cương	2	30
	Toán cao cấp	2	30
	Sinh học đại cương	3	45
	Hóa đại cương	2	30
	Số ĐVTTC		19
II	Tiếng Anh 2	5	75
	Giáo dục thể chất 1	1	15

	Tin học cơ sở	3	45
	Toán xác suất thống kê	2	30
	Động vật học	2	30
	Hóa sinh động vật	2	30
	Hóa phân tích	2	30
	Vật lý	2	30
	SỐ ĐVTC	19	
III	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	305
	Giáo dục thể chất 2 (2TC)		
	Giải phẫu động vật	3	45
	Vi sinh vật học đại cương	2	30
	Sinh thái môi trường	2	30
	Tổ chức phôi thai học	3	45
	Thiết kế thí nghiệm trong chăn nuôi	2	30
	Di truyền học động vật	2	30
	SỐ ĐVTC	18	
IV	Đường lối cách mạng của Đảng Cộng sản Việt Nam	3	45
	Tự chọn 1	2	30
	Sinh lý động vật	4	60
	Chọn lọc và nhân giống vật nuôi	3	45
	Vi sinh vật ứng dụng trong chăn nuôi	2	30
	Tự chọn 2	5	75
	SỐ ĐVTC	19	
V	Dinh dưỡng động vật	3	45
	Chăn nuôi gia cầm	4	60
	Chăn nuôi lợn	4	60
	Động vật hoang dã	2	30
	Thú y cơ bản	3	45
	Sinh sản gia súc	3	45
	SỐ ĐVTC	19	
VI	Thức ăn và đồng cỏ	3	45
	Chăn nuôi trâu bò	4	60
	Chăn nuôi dê và thỏ	3	45
	Ký sinh trùng và bệnh ký sinh trùng	3	45
	Thực tập nghề nghiệp chăn nuôi 1	2	90

	Bệnh truyền nhiễm	3	45
	Số ĐVTC	18	
VII	Kiểm nghiệm thú sản	2	30
	Tự chọn 3	8	120
	Thực tập nghề nghiệp chăn nuôi 2	2	90
	Khuyến nông	2	30
	Nuôi ong mật	2	30
	Số ĐVTC	16	
VIII	Chuyên đề thực tập tốt nghiệp	10	450
	Số ĐVTC	10	450

8.2. Dự kiến kế hoạch đào tạo (3,5 năm):

Học kỳ	Tên học phần	Số đvtc	Số tiết chuẩn
I	Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác - Lê nin	5	75
	Tiếng Anh 1	5	75
	Pháp luật đại cương	2	30
	Toán cao cấp	2	30
	Sinh học đại cương	3	45
	Hóa đại cương	2	30
	Số ĐVTC	19	
II	Tin học cơ sở	3	45
	Tiếng Anh 2	5	75
	Giáo dục thể chất 1	1	15
	Toán xác suất thống kê	2	30
	Động vật học	2	30
	Hóa sinh động vật	2	30
	Tổ chức phôi thai học	3	45
	Hóa phân tích	2	30
	Vật lý	2	30
	Số ĐVTC	22	
III	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	30
	Giáo dục thể chất 2	2	30
	Giải phẫu động vật	3	45
	Thiết kế thí nghiệm trong chăn nuôi	2	30
	Di truyền học động vật	2	30
	Sinh lý động vật	4	60

	Tự chọn 2	5	75
	Sinh thái môi trường	2	30
	Số ĐVTC	22	
IV	Chọn lọc và nhân giống vật nuôi	3	45
	Vi sinh vật học đại cương	2	30
	Tự chọn 1	2	30
	Đường lối cách mạng của Đảng Cộng sản Việt Nam	3	45
	Dinh dưỡng động vật	3	45
	Chăn nuôi gia cầm	4	60
	Chăn nuôi lợn	4	60
	Số ĐVTC	21	
V	Thức ăn và đồng cỏ	3	45
	Vi sinh vật ứng dụng trong chăn nuôi	2	30
	Chăn nuôi trâu bò	4	60
	Ký sinh trùng và bệnh ký sinh trùng	3	45
	Bệnh truyền nhiễm	3	45
	Sinh sản gia súc	3	45
	Thực tập nghề nghiệp chăn nuôi 1	2	90
	Thú y cơ bản	3	45
	Số ĐVTC	23	
VI	Nuôi ong mật	2	30
	Chăn nuôi dê và thỏ	3	45
	Động vật hoang dã	2	30
	Khuyến nông	2	30
	Tự chọn 3	8	120
	Kiểm nghiệm thú sản	2	30
	Thực tập nghề nghiệp chăn nuôi 2	2	90
	Số ĐVTC	21	
VII	Chuyên đề thực tập tốt nghiệp	10	450
	Số ĐVTC	10	

9. Hướng dẫn thực hiện chương trình

Quá trình thực hiện chương trình căn cứ vào quy chế hiện hành của Bộ GD&ĐT về đào tạo đại học và cao đẳng hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ, đồng thời căn cứ vào những quy định hiện hành của Trường Đại học Tây Bắc và Bộ Giáo dục và Đào tạo để thực hiện chương trình.

Đối với chương trình chi tiết của từng học phần, quá trình thực hiện có thể được đổi mới theo hướng đem lại hiệu quả cao trong đào tạo. Sự thay đổi này phải được thông qua Bộ môn, Khoa và được Ban Giám hiệu phê duyệt.

TRƯỞNG KHOA

(Đã ký)

TS. Vũ Quang Giảng

HIỆU TRƯỞNG

(Ký tên, đóng dấu)

(Đã ký)

TS. Đinh Thanh Tâm